TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Bùi Tấn Dũng.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

Những người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng Nguyễn Văn L, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2022, trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn, chị Lê Thị H, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B cưới nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân do mai mối. Sau khi cưới vợ chồng cất nhà riêng sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng 06 năm trước thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không

còn hạnh phúc. Nguyên nhân anh B thường xuyên uống rượu say, không làm việc để chăm lo cho vợ con, hầu như ngày này anh B cũng uống rượu dù chị có khuyên can nhiều lần nhưng không được. Khoảng 05 – 06 năm trước thì chị bỏ về nhà cha mẹ ruột và vợ chồng không còn sống chung từ lúc đó. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Từ lúc vợ chồng không còn sống chung thì có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh B. Hiện anh B vẫn sống trong căn nhà của chung vợ chồng, nhưng hàng ngày đi uống rượu ít thấy ở nhà, tối về nhà ngủ.

- Về việc nuôi con: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 08/02/2000 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 06/12/2006, cháu Hoàng P đã trưởng thành, tự lo cuộc sống cho bản thân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Hoàng T, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định nhưng anh B vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Người làm chứng, anh Nguyễn Văn L, trình bày: Anh là em ruột anh B, không có mâu thuẫn gì với chị H, anh B. Vợ chồng anh B cưới nhau hơn 20 năm trước, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh B không sống chung là do anh B thường xuyên uống rượu say, không chăm lo cho vợ con. Chị H khuyên không được nên bỏ về nhà cha mẹ ruột. Anh B có nhà và hộ khẩu ở ấp T, xã T. Nhà anh B đối diện nhà anh. Anh B có khi ở chỗ này, chỗ khác nhưng cũng lòng vòng ở huyện H, có khi về nhà buổi tối, sáng đi sớm. Khi Tòa án gửi thông báo anh có đưa lại cho anh B và nói là chị H ly hôn nhưng anh B im lặng không nói gì. Vợ chồng anh B có 02 con chung là Nguyễn Hoàng P, đã trưởng thành, tự lo cho bản thân và cháu Nguyễn Hoàng T đang sống chung với chị H. Anh thấy chị H chăm sóc cho con cũng tốt. Về tài sản: Chỉ có căn nhà, không có nợ chung.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Về việc nuôi con: Giao con chung Hoàng T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn B được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét, yêu cầu của chị H là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa chị H và anh B phát sinh mâu thuẫn gia đình là có thật. Chị H và anh B không còn sống chung đã lâu vẫn không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập anh B đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa tổng cộng 4 lần nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh B không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Có 1 con chung chưa trưởng thành đang sống chung với chị H, đã ổn định. Anh B cũng không có ý kiến muốn nuôi con nên chấp nhận để chị H tiếp tục nuôi con là phù hợp. Chị H tự nguyện không yêu cầu về cấp dưỡng nên không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H. Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung:

2.1. Chị Lê Thị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2006.

2.2. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H tự nguyện không yêu cầu.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Tòa án chưa xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0003838 ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú